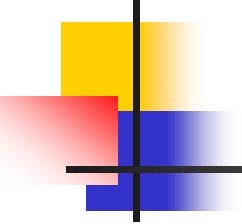


**Hội Mỹ nghệ Kim hoàn Đá quý
TP. Hồ Chí Minh**

**CHẾ ĐỘ THUẾ VÀ HÓA ĐƠN
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, CHẾ TÁC
VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ**

Diễn giả : Đỗ Quốc Tuấn



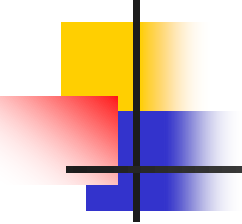
A .Chế độ thuế GTGT

I/ Về đối tượng chịu thuế GTGT, không chịu thuế GTGT:

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế GTGT 48/2024/QH15 quy định HH, DV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT;

Căn cứ Điều 5 Luật Thuế GTGT 48/2024/QH15 quy định HH, DV không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT;

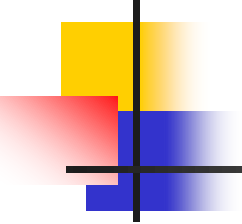
- Vàng, bạc, đá quý đã qua chế tác hoặc chưa qua chế tác bao gồm cả hoạt động KD, sản xuất, gia công chế tác vàng bạc đá quý đều thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.



A .Chế độ thuế GTGT

- Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. (Vàng dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa chế tác được xác định theo quy định của Pháp luật về quản lý, KD vàng).

Đối với hộ, cá nhân KD có mức doanh thu trước ngày 01/07/2025 từ 100 triệu đồng/năm (Từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/12/2025 là từ 200 triệu đồng/năm, từ ngày 01.01.2026 là từ 500 triệu/năm) trở xuống thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT

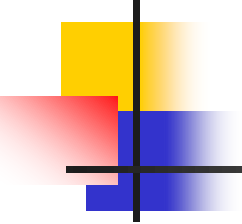


A .Chế độ thuế GTGT

II/ Phương pháp tính thuế:

- Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Thuế GTGT 48/2004/QH15;
- Căn cứ Điều 22 Nghị định 181/2005/NĐ-CP ngày 1.7.2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thuế GTGT;

Hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng



A .Chế độ thuế GTGT

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng (=) giá trị gia tăng nhân (x) với thuế suất thuế GTGT.

- Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.

Trong đó:



A .Chế độ thuế GTGT

a) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.

b) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.



A .Chế độ thuế GTGT

Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh GTGT âm (-) của vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào GTGT dương (+) của vàng, bạc, đá quý.

Trường hợp không phát sinh GTGT dương (+) hoặc GTGT dương (+) không đủ bù trừ GTGT âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào GTGT của kỳ sau trong năm. Kết thúc năm dương lịch, GTGT âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.



A .Chế độ thuế GTGT

- Thuế suất thuế GTGT áp dụng:
 - + Nếu kinh doanh trong nước: 10%.
 - + Nếu xuất khẩu ra nước ngoài: 0%

Trường hợp Doanh nghiệp có hoạt động gia công chế tác vàng, bạc, đá quý thì hoạt động này vẫn phải nộp theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng .

(Văn bản 3586/TCT-CS ngày 26/8/2014 của Tổng Cục Thuế về phương pháp tính thuế GTGT đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý)



A .Chế độ thuế GTGT

Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp vừa có hoạt động kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên doanh thu vừa có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.



B .Chế độ thuế TNDN

1/ Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì doanh nghiệp doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo kê khai.

Thuế TNDN phải nộp bằng (=) thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thuế TNDN.

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - thu nhập miễn thuế - Lỗ các năm trước còn được chuyển – trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp.



B .Chế độ thuế TNDN

+ Thu nhập chịu thuế = Doanh thu tính thuế - các khoản chi phí được trừ + thu nhập khác. Trong đó:

a/ Doanh thu tính thuế là DT đã bao gồm thuế GTGT

b/ Các khoản chi phí được trừ:

Lưu ý:

- Trường hợp mua vàng bạc đá quý là tài sản của hộ, cá nhân không kinh doanh thì phải lập Bảng kê theo mẫu quy định (mẫu 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC).



B .Chế độ thuế TNDN

- Về Điều kiện chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN áp dụng từ ngày 15/12/2025:

Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua HH, DV và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Trước: chỉ có mua HH, DV có trị giá thanh toán ghi trên hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên .



B .Chế độ thuế TNDN

Trường hợp mua HH, DV của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt;

Trường hợp DN phát sinh các khoản chi do DN ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hộ HH, DV để phục vụ hoạt động SXKD từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi này được người lao động thanh toán không dùng tiền mặt thì tính vào chi phí nếu đáp ứng các điều kiện sau:



B .Chế độ thuế TNDN

Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động;



B .Chế độ thuế TNDN

- Về chi phí nguyên vật liệu: được tính vào chi phí theo thực tế tiêu hao của doanh nghiệp

Trước theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC: Nếu chi vượt định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá đối với một số nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa đã được Nhà nước ban hành định mức thì không được tính vào chi phí được trừ.



B .Chế độ thuế TNDN

- Về chi phí trả lãi tiền nay: không được tính vào chi phí được trừ đối với phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt mức theo quy định của Bộ luật Dân sự; (vượt quá 20%/năm)

Trước: vượt mức 150 % mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.



B .Chế độ thuế TNDN

- Thuế suất thuế TNDN : 20%

Từ kỳ tính thuế năm 2025:

+ Đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng áp dụng thuế suất 15% ;

+ Đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 17% ;

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế TNDN trước liền kề.



B .Chế độ thuế TNDN

Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm trước liền kề.



B .Chế độ thuế TNDN

2/ Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế TNDN trên tỷ lệ % trên doanh thu (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025).

Doanh nghiệp có tổng DT năm không quá 03 tỷ đồng quy định tại Điều 11 của Nghị định 320/2025/NĐ-CP, trong trường hợp không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động SXKD thì kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên DT bán HH, DV cụ thể như sau:

- a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,3%;
- b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,2%;



C .Chế độ thuế TNCN

Hộ, cá nhân có đăng ký KD hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì thuộc đối tượng nộp thuế TNCN.

Trước ngày 1.7.2026:

Trường hợp hộ, cá nhân KD không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, thì nộp thuế GTGT, thuế TNCN theo phương pháp khoán. Trừ trường hợp Hộ, cá nhân KD có quy mô về DT, LĐ đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của DN siêu nhỏ theo quy định PL về hỗ trợ DN nhỏ và vừa phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai



C .Chế độ thuế TNCN

Quy mô về doanh thu, lao động đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí của DN siêu nhỏ theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/08/2021 của Chính phủ:

DN siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng DT của năm không quá 3 tỷ đồng .

DN siêu nhỏ lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng DT của năm không quá 10 tỷ đồng ²¹



C .Chế độ thuế TNCN

Xác định số thuế TNCN phải nộp đối với cá nhân có phát sinh doanh thu mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý trên mức khởi điểm chịu thuế (trên 100 triệu đồng/năm) :

- Số thuế TNCN phải nộp = Doanh thu tính thuế TNCN x tỷ lệ % thuế TNCN.

Tỷ lệ % thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh mua bán vàng bạc đá quý là 0,5%

Tỷ lệ % thuế TNCN đối với hoạt động sản xuất, gia công chế tác vàng bạc đá quý là 1,5%



C .Chế độ thuế TNCN

Từ ngày 1.7.2026:

Hộ, cá nhân KD có mức doanh thu trên mức khởi điểm chịu thuế phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống thì không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN

Dự kiến xác định số thuế TNCN phải nộp.

Thuế TNCN phải nộp = thu nhập tính thuế x thuế suất



C .Chế độ thuế TNCN

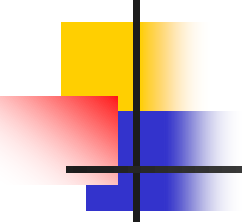
Thu nhập tính thuế = Doanh thu tính thuế - chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Thuế suất thuế TNCN:

- + Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng áp dụng thuế suất 15% ;

- + Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất 17% ;

- + Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có tổng doanh thu năm trên 50 tỷ đồng áp dụng thuế suất là 20%.

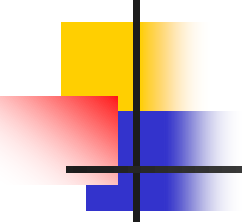


C .Chế độ thuế TNCN

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh có tổng DT năm trên mức khởi điểm chịu thuế (500 triệu đồng) nhưng không quá 03 tỷ đồng thì được lựa chọn nộp thuế TNCN trên thu nhập tính thuế x thuế suất hoặc nộp thuế TNCN theo tỷ lệ phần trăm (%) trên DT tính thuế cụ thể như sau:

- a) Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%;
- b) Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%;

Doanh thu tính thuế được xác định bằng phần doanh thu vượt mức DT khởi điểm chịu thuế (500 triệu đồng).

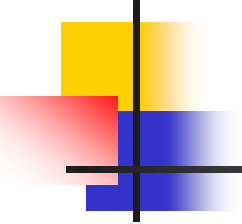


B .Về chế độ hóa đơn

I/ Hóa đơn bán ra (đầu ra).

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP) quy định về các loại hóa đơn:

Các cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT thì khi bán vàng bạc, đá quý, gia công chế tác vàng bạc đá quý cho khách hàng thì sử dụng hóa đơn bán hàng điện tử. 26

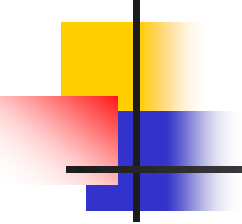


B .Về chế độ hóa đơn

1/ Đối tượng áp dụng Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế. (áp dụng từ ngày 01/06/2025)

a/ Đối với hộ, cá nhân KD:

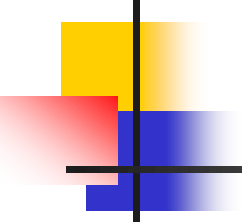
Hộ KD, cá nhân kinh doanh **bán lẻ HH. cung cấp DV trực tiếp đến người tiêu dùng** thuộc các trường hợp sau: Hộ, cá nhân KD nộp thuế khoán có mức DT hàng năm từ 01 tỷ đồng trở lên; Hộ, cá nhân KD có sử dụng máy tính tiền; Hộ, cá nhân KD nộp thuế theo kê khai



B .Về chế độ hóa đơn

b/ Đối với doanh nghiệp.

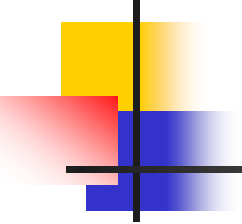
- Doanh nghiệp có hoạt động bán HH, cung cấp DV trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; **bán lẻ** (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; DV vận tải hành khách, DV hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, DV nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, DV phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam).



B .Về chế độ hóa đơn

2/ Nguyên tắc lập hóa đơn.

Khi bán HH, cung cấp DV, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp HH, DV dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; HH, DV dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ HH luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất HH dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả HH)

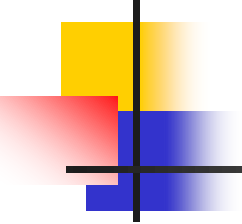


B .Về chế độ hóa đơn

3/ Về thông tin của người mua trên hóa đơn.

Ngoài thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế thì bổ sung số định danh cá nhân của người mua hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

Trường hợp người mua không có mã số thuế thì trên hóa đơn không phải thể hiện mã số thuế người mua.
Trường hợp người mua cung cấp mã số thuế, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện mã số thuế, số định danh cá nhân



B .Về chế độ hóa đơn

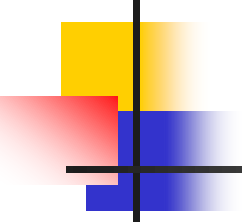
II/ Hóa đơn chứng từ đầu vào.

Hóa đơn, chứng từ làm căn cứ xác định giá trị vàng bạc, đá quý mua vào khi xác định GTGT:

a/ Nhập khẩu: Hợp đồng mua hàng, Invoice thương mại, Tờ khai hải quan, chứng từ nộp thuế khâu NK (Thuế NK, Thuế GTGT khâu nhập khẩu (nếu vàng đã qua chế tác))

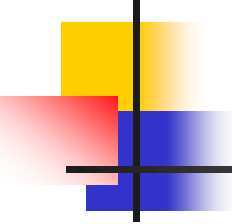
b/ Mua trong nước:

- Mua của các DN kinh doanh vàng bạc đá quý (bao gồm cả gia công chế tác) là hóa đơn bán hàng.



B .Về chế độ hóa đơn

- Mua của các hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện gia công chế tác vàng bạc đá quý là hóa đơn bán hàng
- Mua của các hộ, cá nhân không kinh doanh: là Bảng kê 01/TNDN ghi rõ họ, tên, địa chỉ, số định danh cá nhân bán hàng, kèm theo chứng từ thanh toán tiền



XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!